

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 65 /CT-VTQ
Về việc giải trình lợi nhuận sau
thuế TNDN tại báo cáo
KQHĐKD Quý I năm 2026

Quảng Trị, ngày 20 tháng 4 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý I/2026 và tình hình thực tế của Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình (mã chứng khoán: VTQ).

Công ty xin giải trình nguyên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh lỗ tại Quý I/2026, cụ thể như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐTV	Quý I/2026	Quý I/2025	Chênh lệch	% tăng giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)	(7)=(6)/(5)
1	Sản lượng mủ cao su	Tấn	165,89	173,14	-7,25	-4,19%
2	Sản lượng gỗ tinh chế	m3	131,97	30,17	101,80	337,40%
3	Sản lượng gỗ sơ chế	m3	350,94	193,66	157,28	81,21%
4	Sản lượng gỗ dăm	BDT	6595,58		6595,58	
5	Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	Đồng	38.036.236.018	9.668.358.470	28.367.877.548	293,41%
6	Giá vốn hàng bán	Đồng	37.866.716.738	10.431.815.660	27.434.901.078	262,99%
7	Lợi nhuận gộp	Đồng	169.519.280	-763.457.190	932.976.470	-122,20%
8	Doanh thu hoạt động tài chính	Đồng	2.728.463	1.754.968	973.495	55,47%
9	Chi phí tài chính	Đồng	718.073.536	650.271.634	67.801.902	10,43%
10	Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp	Đồng	3.349.186.127	2.740.075.811	609.110.316	22,23%
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Đồng	-3.895.011.920	-4.152.049.667	257.037.747	-6,19%
12	Lợi nhuận khác	Đồng	317.658	-4.518.428	4.836.086	-107,03%
13	Tổng lợi nhuận trước thuế	Đồng	-3.894.694.262	-4.156.568.095	261.873.833	-6,30%
14	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	-3.894.694.262	-4.156.568.095	261.873.833	-6,30%

Nguyên nhân:

Trong Quý I năm 2026, Công ty đã nỗ lực duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh. So với cùng kỳ năm 2025, các chỉ tiêu sản xuất và kinh doanh có sự biến động đáng kể.

Cụ thể, sản lượng mủ cao su (Chỉ tiêu 1) đạt 165,89 tấn, giảm 7,25 tấn, tương ứng giảm 4,19% so với cùng kỳ. Ngược lại, sản lượng gỗ tinh chế (Chỉ tiêu 2) đạt 131,97 m³, tăng 101,80 m³ (tương ứng tăng 337,40%) và sản lượng gỗ sơ chế (Chỉ tiêu 3) đạt 350,94 m³, tăng 157,28 m³ (tương ứng tăng 81,21%). Đồng thời, trong kỳ phát sinh thêm sản lượng gỗ dăm.

Do sản lượng tiêu thụ, đặc biệt là nhóm sản phẩm gỗ tăng mạnh, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Chỉ tiêu 5) đạt 38.036.236.018 đồng, tăng 28.367.877.548 đồng, tương ứng tăng 293,41% so với cùng kỳ năm 2025. Giá vốn hàng bán (Chỉ tiêu 6) đạt 37.866.716.738 đồng, tăng 27.434.901.078 đồng (tương ứng tăng 262,99%), làm cho lợi nhuận gộp (Chỉ tiêu 7) đạt 169.519.280 đồng, tăng 932.976.470 đồng so với cùng kỳ và chuyển từ lỗ sang lãi.

Về hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động tài chính (Chỉ tiêu 8) tăng 973.495 đồng (tương ứng tăng 55,47%). Chi phí tài chính (Chỉ tiêu 9) tăng 67.801.902 đồng, tương ứng tăng 10,43%. Bên cạnh đó, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (Chỉ tiêu 10) tăng 609.110.316 đồng, tương ứng tăng 22,23%.

Do ảnh hưởng của việc chi phí tăng, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (Chỉ tiêu 11) vẫn âm 3.895.011.920 đồng, tuy nhiên mức lỗ đã giảm 257.037.747 đồng (tương ứng giảm 6,19%) so với cùng kỳ năm 2025. Lợi nhuận khác (Chỉ tiêu 12) tăng 4.836.086 đồng.

Tổng hợp các yếu tố trên, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Chỉ tiêu 14) trong Quý I/2026 là âm 3.894.694.262 đồng, giảm mức lỗ 261.873.833 đồng (tương ứng 6,30%) so với cùng kỳ năm 2025.

Trên đây là nội dung giải trình của Công ty nhằm làm rõ nguyên nhân lỗ tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý I năm 2026.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phan Văn Thành